

**TOÀ ÁN ND HUYỆN YTH
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 13/2021/DS -ST

Ngày: 22/3/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến.

Ông Trần Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2020/TLST – DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 28/01/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Đinh Công Th1 , sinh năm 1974, (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LC , xã ĐT , huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:**

1. Chị Giáp Thị T1 , sinh năm 1981, (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. Anh Hoàng Văn K1 , sinh năm 1976, (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn CG , xã ĐL , huyện YTh , tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Đinh Công Th1 trình bày:

Do mối quan hệ quen biết giữa anh Th1 và chị T1 , ngày 02/02/2020, anh Th1 có cho vợ chồng chị T1 , anh K1 vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) với mục đích để vợ chồng anh K1 , chị T1 làm ăn kinh doanh. Khi vay 2 bên có thỏa thuận miệng

lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 02/6/2020 (thời hạn 04 tháng). Đến thời hạn trả gốc anh Th1 đã đòi nhiều lần nhưng chị T1, anh K1 không trả tiền cho anh Th1 số tiền gốc và lãi. Nay anh Th1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện YTh buộc anh K1, chị T1 phải trả cho anh Th1 số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và số tiền lãi cho anh Th1 theo lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 02/02/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thì vợ chồng anh K1, chị T1 trả được cho anh Th1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Lần 1: Vào ngày 15/12/2020, chị T1 đã trả tôi số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Lần 2: Vào ngày 25/01/2021, chị T1 đã trả tôi số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Anh Th1 xác định số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 trả anh cụ thể như sau:

+ Số tiền lãi mà anh K1, chị T1 phải trả cho anh Th1 từ ngày vay tiền đến ngày 25/01/2021 thời gian là 11 tháng 23 ngày. Vậy số tiền của anh K1, chị T1 phải trả là: 11 tháng 23 ngày \times 1% \times 60.000.000 đồng = 7.060.000 đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Số tiền gốc mà anh K1, chị T1 đã trả cho anh Th1 là 10.000.000 đồng – 7.060.000 đồng = 2.940.000 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nay anh Th1 tiếp tục yêu cầu anh K1, chị T1 phải trả cho anh Th1 số tiền gốc là 57.060.000 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) và phải tiếp tục trả lãi suất cho anh Th1 với lãi suất 1%/ tháng trên số nợ gốc kể từ ngày 26/01/2021 cho đến khi tất toán khoản vay trên.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2020 bị đơn chị Giáp Thị T1 trình bày: Chị xác nhận vợ chồng chị có vay tiền của anh Th1 số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) với mục đích để xác định nhà mẫu giáo tư thục và phát triển kinh tế gia đình. Khi vay 2 bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 1%/ tháng, thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 02/02/2020. Tuy nhiên, do việc làm ăn không thuận lợi vợ chồng chị không trả được anh Th1 số tiền như đã thỏa thuận nay chị xin được trả dần cho anh Th1 số tiền đã vay. Vợ chồng chị cùng có trách nhiệm trả anh Th1 số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 02/02/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Giáp Thị T1 có khai bổ sung: Việc vay nợ của vợ chồng chị đối với anh Th1 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) là đúng. Khi vay chồng chị là anh Hoàng Văn K1 có biết. Trong số tiền mà vợ chồng chị đã vay của anh Th1 thì chị đã trả được anh Th1 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Cụ thể: Lần 1: Vào tháng 12/2020 (dương lịch) đã trả 5.000.000 đồng; Lần 2: Vào tháng 1/ 2021 đã trả 5.000.000 đồng (ngày cụ thể mà chị trả anh Th1 thì chị không nhớ và không có văn bản gì). Nay chị xác định số tiền 2 lần chị trả cho anh Th1 đều là trả vào số tiền gốc mà vợ chồng chị đã vay của anh Th1 và chị T1 thay đổi lời khai là

việc vay tiền của anh Th1 là có thỏa thuận lãi suất nhưng lãi suất theo ngày, chị đã trả được cho anh Th1 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nhưng khi trả lãi chị không có giấy tờ gì và không có ai chứng kiến nên chị cũng không đề nghị Tòa án giải quyết về việc tính lại lãi nên chị chỉ đồng ý về việc trả anh Th1 số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn tiền lãi chị không đồng ý trả theo yêu cầu của anh Th1 .

Sau khi thụ lý, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Hoàng Văn K1 không đến Tòa án làm việc, qua xác minh tại địa phương đối với ông Hoàng Quốc V1, Trưởng công an xã ĐL , huyện YTh cho biết: anh Hoàng Văn K1 , sinh năm 1976 là có đăng ký hộ khẩu tại xã ĐL , huyện YTh . Tuy nhiên, anh K1 thời gian gần đây không thường xuyên có mặt tại địa phương. Việc anh K1 hiện nay ở đâu thì địa phương không nắm được.

Ngày 30/11/2020, Tòa án nhân dân huyện YTh có công văn số 320/CV-TA đề xác minh anh Hoàng Văn K1 có làm thủ tục xuất cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an hay không? Ngày 11/12/2020, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an có công văn số 23183/QLXNC trả lời có nội dung: “Hoàng Văn K1 , sinh năm 1976, CMND số 121192382, nêu ở công văn không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh phát biểu ý kiến Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật; Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Nguyên đơn : Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đối với bị đơn: anh Hoàng Văn K1 , chị Giáp Thị T1 chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS: Vắng mặt trong phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công Th1 , buộc vợ chồng anh Hoàng Văn K1 và chị Giáp Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Đinh Công Th1 số tiền cụ thể như sau:

Lãi suất từ ngày 02/02/2020 đến ngày 15/12/2020 (10 tháng 13 ngày) của số tiền vay 60.000.000 đồng là: $60.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 5.198.400\text{đồng}$.

Lãi suất từ ngày 16/12/2020 đến ngày 25/01/2021 (01 tháng 09 ngày) của số tiền vay 60.000.000 đồng là: $60.000.000đ \times 01 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} \times 0,83\% / \text{tháng} = 649.200\text{đồng}$.

Vậy tổng lãi từ ngày 02/02/2020 đến 25/01/2021 $5.198.400 \text{ đồng} + 649.200 \text{ đồng} = 5.847.600 \text{ đồng}$. Nên số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 đã trả cho anh Th1 có 5.847.600 đồng là tiền lãi và 4.152.400 đồng được trả vào tiền gốc.

Nên cần xác định số tiền gốc mà chị T1 và anh K1 phải trả cho anh Th1 là: $60.000.000 \text{ đồng} - 4.152.400 \text{ đồng} = 55.847.600 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi mà chị T1 và anh K1 phải trả cho anh Th1 thời gian từ ngày 26/01/2021 đến ngày 22/3/2021 là $55.847.600 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 1 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 870.105 \text{ đồng}$.

Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công Th1 về việc yêu cầu Tòa án buộc chị T1, anh Kiên phải trả cho anh Th1 số tiền gốc là 55.847.600 đồng và số tiền lãi từ ngày 26/01/2021 đến ngày 22/3/2021 là 870.105 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí: Anh K1, chị T1 phải chịu là 2.835.885 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đinh Công Th1 khởi kiện anh Hoàng Văn K1 và chị Giáp Thị T1 có nơi cư trú tại xã ĐL, huyện YTh phải trả số tiền gốc đã vay và tiền lãi. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Hoàng Văn K1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Nguyên đơn anh Đinh Công Th1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Giáp Thị T1 có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Do có quan hệ quen biết giữa anh Th1 và chị T1. Ngày 02/02/2020, anh Đinh Công Th1 có cho vợ chồng chị T1, anh K1 vay số tiền

60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Mục đích vay: Để xây dựng nhà mẫu giáo tư thực và phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày 02/02/2020. Đến thời hạn trả, anh K1 và chị T1 không trả nên anh Th1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh K1 và chị T1 phải trả cho anh Th1 số tiền gốc và tiền lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về áp dụng pháp luật: Ngày 02/02/2020, chị T1 có ký vay anh Th1 số tiền 60.000.000 đồng. Do vậy, khi giải quyết vụ án cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các quy định có liên quan để giải quyết.

[4] Về nội dung vụ án: Tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 02/02/2020 (Dương lịch) do anh Th1 cung cấp thể hiện chị T1 vay số tiền của anh Đình Công Th1 số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) với thời hạn vay từ ngày 02/02/2020 đến ngày 02/6/2020. Trong giấy biên nhận tiền ngày 02/02/2020 (Dương lịch) chỉ có chữ ký bên “NGƯỜI VAY KÝ” thì chỉ có chữ ký của chị Giáp Thị T1. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là anh Đình Công Th1 và bị đơn chị Giáp Thị T1 đều thừa nhận mục đích vay là để xây dựng nhà mẫu giáo tư thực và phát triển kinh tế gia đình và việc chị T1 vay tiền của anh Th1 anh K1 có biết, còn bị đơn anh Hoàng Văn K1 không có lời khai nên cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh Hoàng Văn K1 và chị Giáp Thị T1. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đình Công Th1, buộc vợ chồng anh Hoàng Văn K1 và chị Giáp Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Hoàng Văn Thành số tiền đã vay.

Về lãi suất: Mặc dù trong giấy biên nhận vay tiền không thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, tại các bản tự khai của anh Đình Công Th1 và chị Giáp Thị T1 đều thừa nhận các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng nên cần xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi suất.

Tại bản tự khai của anh Đình Công Th1 và tại bản tự khai ngày 30/11/2020 của chị Giáp Thị T1 thì thể hiện mức lãi suất đối với khoản tiền mà chị vay của anh Th1 là 1%/tháng. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 18/3/2020 thì chị T1 lại thay đổi lời khai về lãi suất và cho rằng chị vay anh Th1 theo lãi suất ngày nhưng chị T1 không có tài liệu gì chứng minh việc trên và chị cũng không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đối với phần lãi suất đã trả cho anh Th1. Nên cần xác định có tranh chấp về lãi suất. Do có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng và tương ứng với 0,028%/ ngày.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 đã trả cho anh Th1 :

- Anh Th1 xác định số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 trả anh phải được trừ vào số tiền lãi mà chị T1 đã phải chịu đối với khoản tiền vay 60.000.000 đồng, còn thừa thì mới trừ vào số tiền gốc. Cụ thể như sau:

+ Số tiền lãi mà anh K1 , chị T1 phải trả cho anh Th1 từ ngày vay tiền đến ngày 25/01/2021 thời gian là 11 tháng 23 ngày. Vậy số tiền của anh K1 , chị T1 phải trả là: 11 tháng 23 ngày x 1% x 60.000.000 đồng = 7.060.000 đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Số tiền gốc mà anh K1 , chị T1 đã trả cho anh Th1 là 10.000.000 đồng – 7.060.000 đồng = 2.940.000 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nay anh Th1 tiếp tục yêu cầu anh K1 , chị T1 phải trả cho anh Th1 số tiền gốc là 57.060.000 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) và phải tiếp tục trả lãi suất cho anh Th1 với lãi suất 1%/ tháng trên số nợ gốc kể từ ngày 26/01/2021 cho đến khi tất toán khoản vay trên.

- Chị T1 cho rằng việc chị trả cho anh Th1 số tiền 10.000.000 đồng là được trừ vào tiền gốc nên chị hiện tại chị còn nợ anh Th1 số tiền gốc là 60.000.000 đồng – 10.000.000 đồng = 50.000.000 đồng và chị không đồng ý về việc trả lãi cho anh Th1 .

Hội đồng xét xử xét thấy: Về số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 đã trả cho anh Th1 vào các ngày 15/12/2020 (trả 5.000.000 đồng) và ngày 25/01/2020 (trả 5.000.000 đồng). Về lãi suất cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên lãi suất từ ngày 02/02/2020 đến ngày 15/12/2020 (10 tháng 13 ngày) của số tiền vay 60.000.000 đồng là: $60.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 5.198.400\text{đồng}$. Nên cần chấp nhận số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 đã trả cho anh Th1 được trừ vào số tiền lãi trước, còn thừa mới trừ vào tiền gốc là phù hợp.

Cụ thể lãi suất mà chị T1 phải trả cho anh Th1 như sau:

Lãi suất từ ngày 02/02/2020 đến ngày 15/12/2020 (10 tháng 13 ngày) của số tiền vay 60.000.000 đồng là: $60.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 5.198.400\text{đồng}$.

Lãi suất từ ngày 16/12/2020 đến ngày 25/01/2021 (01 tháng 09 ngày) của số tiền vay 60.000.000 đồng là: $60.000.000đ \times 01 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} \times 0,83\% / \text{tháng} = 649.200\text{đồng}$.

Vậy tổng lãi từ ngày 02/02/2020 đến 25/01/2021 $5.198.400 \text{ đồng} + 649.200 \text{ đồng} = 5.847.600 \text{ đồng}$. Nên số tiền 10.000.000 đồng mà chị T1 đã trả cho anh Th1 có 5.847.600 đồng là tiền lãi và 4.152.400 đồng được trả vào tiền gốc.

Nên cần xác định số tiền gốc mà chị T1 và anh K1 phải trả cho anh Th1 là: $60.000.000 \text{ đồng} - 4.152.400 \text{ đồng} = 55.847.600 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi mà chị T1 và anh K1 phải trả cho anh Th1 thời gian từ ngày 26/01/2021 đến ngày 22/3/2021 là $55.847.600 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 1 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 870.105 \text{ đồng}$.

Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công Th1 về việc yêu cầu Tòa án buộc chị T1, anh Kiên phải trả cho anh Th1 số tiền gốc là 55.847.600 đồng và số tiền lãi từ ngày 26/01/2021 đến ngày 22/3/2021 là 870.105 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Về án phí: anh K1, chị T1 không thuộc đối tượng được miễn tiền tạm ứng án phí nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Số tiền anh K1, chị T1 phải trả cho anh Th1 số tiền cả gốc và lãi là: 55.847.600 đồng tiền gốc + 870.105 đồng tiền lãi = 56.717.705 đồng nên số tiền án phí anh K1, chị T1 phải chịu là 56.717.705 đồng x 5% = 2.835.885 đồng. Anh Th1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công Th1. Xử:

1. Buộc anh Hoàng Văn K1, chị Giáp Thị T1 phải trả cho anh Đinh Công Th1 55.847.600 đồng tiền gốc + 870.105 đồng tiền lãi. Tổng số tiền anh K1, chị T1 phải trả cho anh Đinh Công Th1 là 56.717.705 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn K1 và chị Giáp Thị T1 phải chịu 2.835.885 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện YTh ;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Đình Hưng